

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/DS-PT

Ngày 16-4-2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2026/TLPT-DS ngày 08/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2026/QĐXX-PT ngày 03/3/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số D đường T, khu B, phường V, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.*

2. *Bị đơn: Ông Nguyễn Bình C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bình H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Số F L, phường K, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, năm 2003; địa chỉ: Số F L, phường K, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Bà Nguyễn Thị Nam N, sinh năm 1993; địa chỉ: số D đường T, khu B, phường V, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Bình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh, thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông và ông Nguyễn Bình C có quen biết nhau từ tháng 8/2024. Khoảng đầu năm 2025, do tin tưởng nên ông H quyết định đầu tư vào hệ thống tái chế dầu làm ăn cùng ông C. Ông H không tìm hiểu nên không biết việc kinh doanh của ông Nguyễn Bình C có giấy phép hay không chỉ nghe ông C khẳng định đã hoạt động một năm trước đó ổn định. Do tin tưởng nên ngày 28/3/2025 ông H đã chuyển vào tài khoản vợ ông C với mục đích góp vốn làm ăn số tiền 200.000.000 đồng. Việc chuyển tiền từ tài khoản của bà N vợ ông H vào tài khoản của vợ ông C là bà Nguyễn Thị Bích H2. Thực chất việc làm ăn là của riêng ông H và ông C, không liên quan gì đến bà N và bà H3. Ngày 08/4/2025 ông H và ông C có thống nhất viết “Giấy nhận tiền” với số tiền là 200.000.000 đồng tương ứng với 15% cổ phần về lợi nhuận trong việc đầu tư góp vốn trong công tác tái chế dầu. Hai bên thoả thuận miệng về việc trả 15% lợi nhuận hàng tháng ông C sẽ trả ông H vào cuối tháng. Đầu tháng 5/2025, ông C viết ra một cuốn sổ về liệu kinh doanh của tháng đầu tiên rồi chụp gửi cho ông H qua zalo, nội dung ông C báo hoạt động kinh doanh thua lỗ khoảng 100.000.000 đồng, nhưng số nguồn hàng còn lại trong kho tồn khoảng 400.000.000 đồng, số tồn này đã được ông C bán ra ngay sau ngày chốt sổ của tháng thứ nhất.

Khoảng 16-17/5/2025 thì ông H có nhận thông tin là Công an vào xưởng nhà ông C tại thôn R, xã C (nay là xã P), tỉnh Bắc Ninh để làm việc. Việc này ông H được nghe từ ông C và những người làm thuê tại xưởng. Kể từ thời điểm đó, xưởng tái chế dầu của ông C không hoạt động nữa và bị bắt buộc phá dỡ di dời toàn bộ, hiện máy móc tái chế dầu trên nhà xưởng không còn. Ông có trao đổi với ông C về việc thanh toán cho ông số tiền ông vừa góp nhưng ông C chỉ đồng ý trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng. Do vậy ông H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông C phải trả cho ông tổng số tiền mà ông đã góp vốn làm ăn là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Bình C trình bày:

Ông Nguyễn Xuân B là bạn ông và chơi cùng ông H nên có giới thiệu để hai người quen nhau từ năm 2024. Ngày 08/4/2025, ông viết “Giấy nhận tiền” cụ thể nội dung ông H góp với ông vốn làm ăn là 200.000.000 đồng tương ứng với 15% cổ phần về lợi nhuận trong việc đầu tư tái chế dầu. Về 15% cổ phần này là do hai bên tự thoả thuận bằng miệng, không có giấy tờ gì khác, việc trả 15% lợi nhuận hàng tháng hai người thoả thuận thống nhất ông sẽ trả ông H vào mỗi cuối tháng làm việc. Hai bên hợp tác trên tinh thần tin tưởng nhau, thoả thuận cuối tháng ông C chụp ảnh và báo cáo số liệu và lợi nhuận cho ông H.

Ông bắt đầu công việc từ đầu tháng 4/2025, sau đó vợ chồng ông H và bà N cũng đã xuống xưởng xem xét về hiện trạng sau đó mới quyết định góp vốn và chuyển cho ông số tiền 200.000.000 đồng để đầu tư vào hệ thống tái chế dầu.

Việc ông H nói không kiểm tra hồ sơ giấy tờ giấy phép kinh doanh là hoàn toàn sai sự thật, ông H và bà N đã biết rất rõ rồi mới đầu tư. Mặc dù số tiền 200.000.000 đồng ông H chuyển vào tài khoản của vợ ông nhưng ông xác định tài khoản này ông sử dụng, vợ ông không có liên quan gì. Tháng kinh doanh đầu tiên ông bị thua lỗ nên không trích lợi nhuận cho ông H. Sau đó ngày 16/5/2025 thì Công an vào xưởng nhà ông để triệu tập ông C và 3 anh em công nhân trong xưởng lên làm việc tại trụ sở. Kể từ đó, xưởng tái chế dầu của ông không hoạt động được nữa và bị bắt buộc phá dỡ di dời toàn bộ, hiện không còn máy móc tái chế dầu trên nhà xưởng đó.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc trả lại số tiền 200.000.000 đồng ông không đồng ý vì ông chỉ có thể trả cho ông H tối đa là 50.000.000 đồng ở thời điểm hiện tại. Trường hợp ông H không nhận số tiền trên thì đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nam N trình bày: Việc đầu tư góp vốn số tiền 200.000.000 đồng là ông Nguyễn Hữu H đầu tư cho hệ thống tái chế dầu của ông Nguyễn Bình C. Số tiền trên được chuyển từ số tài khoản của bà đến số tài khoản của vợ ông Nguyễn Bình C là bà Nguyễn Thị Bích H2. Việc chuyển tiền là do ông H nhờ bà chuyển hộ, không phải tiền của bà và bà không liên quan đến việc kinh doanh của hai ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà đồng ý, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Bình C trả lại ông Nguyễn Hữu H số tiền góp vốn là 200.000.000 đồng và không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích H2 trình bày: Việc đầu tư góp vốn giữa chồng bà là ông Nguyễn Bình C và ông Nguyễn Hữu H bà không biết. Số tiền 200.000.000 đồng được chuyển từ số tài khoản của bà Nguyễn Thị Nam N đến số tài khoản của bà, bà cũng không biết số tiền này vì thực chất tài khoản là do ông C trực tiếp quản lý, sử dụng. Do không liên quan nên với yêu cầu khởi kiện của ông H bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bà xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung theo Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025), điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 262, Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 131, 274, 275, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H. Buộc ông Nguyễn Bình C phải trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/12/2025, ông Nguyễn Bình C kháng cáo bản án, nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Hữu H và ông Nguyễn Bình C vô hiệu về mặt hình thức. Về mặt nội dung, thỏa thuận giữa ông Nguyễn Hữu H và ông Nguyễn Bình C về việc góp vốn trong công tác tái chế dầu là vi phạm quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 117 và Điều 122 BLDS, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Bình C. HĐXX thấy:

- *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Bình C yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”, bị đơn cư trú tại thôn N, xã P, tỉnh Bắc Ninh.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Bình C yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh giải quyết về việc đề nghị trả số tiền góp vốn là 200.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” là đảm bảo theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Bình C phải trả số tiền góp vốn là 200.000.000 đồng. HĐXX phúc thẩm thấy:

Theo lời trình bày của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án, xác định: Ông Nguyễn Hữu H có góp vốn làm ăn với ông Nguyễn Bình C số tiền 200.000.000 đồng tương đương 15% cổ phần, mỗi tháng ông H được hưởng 15% lợi nhuận từ việc làm ăn của ông C. Thỏa thuận giữa các bên được thể hiện qua lời thừa nhận của các đương sự và được thể hiện tại “giấy nhận tiền” ngày 08/4/2025 do ông C viết tại thôn N, xã P, tỉnh Bắc Ninh. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại “giấy nhận tiền” ngày 08/4/2025 các bên thoả thuận, ghi nhận: *“Tôi với anh H có làm việc chung với nhau và nhận của anh H 200.000.000 đồng góp vốn cho tôi và nhận cổ phần 15%, tôi và anh H làm việc với nhau và tôi có hứa nếu không làm được và anh H chưa nhận được đủ lại số tiền đưa cho tôi, nếu tôi không làm được thì tôi sẽ hoàn lại số tiền đủ như ban đầu đưa cho tôi”*. Hình thức hợp đồng góp vốn này được viết tay, không có công chứng hay chứng thực chữ ký. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Bình C có thừa nhận đã viết giấy nhận tiền nêu trên, lời khai này hoàn toàn phù hợp với trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H. Do đó, có căn cứ để xác định nội dung tại “giấy nhận tiền” ngày 08/4/2025 dựa trên sự tự nguyện thoả thuận giữa hai bên.

[3]. Bản án sơ thẩm xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng cho ông C theo như thoả thuận; sau khi nhận tiền, ông C đã sử dụng số tiền vào hoạt động kinh doanh, tuy nhiên tháng đầu tiên thua lỗ sau đó bị đình chỉ hoạt động. Theo Giấy nhận tiền ngày 08/4/2025, bị đơn ông Nguyễn Bình C tự nguyện thoả thuận trong trường hợp không làm được hoặc hoạt động kinh doanh không hiệu quả thì hoàn lại số tiền đủ như số tiền ông H đưa cho. Việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, do việc kinh doanh của ông C đã dừng hoạt động, ông H chưa nhận được số tiền như thoả thuận. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bình C trả lại số tiền đã góp vốn là 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định việc thoả thuận góp vốn là giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H và bị đơn ông Nguyễn Bình C. Bà Nguyễn Thị Nam N (vợ ông H) và bà Nguyễn Thị Bích H2 (vợ ông C) không cùng thực hiện việc thoả thuận góp vốn với ông H và ông C. Ông H và bà N xác định việc bà N chuyển số tiền 200.000.000 từ tài khoản ngân hàng của mình là do ông H nhờ bà chuyển tiền, số tiền này không liên quan đến bà. Ông C và bà H2 xác định tài khoản ngân hàng nhận số tiền 200.000.000 của bà H2 là do ông C quản lý sử dụng, số tiền này bà H2 không sử dụng và không liên quan đến.

Do vậy, Bản án sơ thẩm xác định buộc ông Nguyễn Bình C phải trả ông Nguyễn Hữu H số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[5]. Trong quá trình xem xét nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Bình C và người đại diện theo ủy quyền, cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không cung

cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới theo quy định tại Điều 287 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bình C.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX phúc thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm, như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Bắc Ninh đã đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Bình C không được chấp nhận nên ông Nguyễn Bình C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bình C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Bình C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ ông Nguyễn Bình C đã nộp theo biên lai thu số 0004296 ngày 04/12/2025.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND, VKSND khu vực 8 – Bắc Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Nâu